

ĐỌC “TÂY NINH ĐẤT VÀ NGƯỜI”

Trần Hạnh Minh Phương

Trong bối cảnh không có nhiều công trình nghiên cứu về Tây Ninh, quyển sách *Tây Ninh đất và người* của nhiều tác giả (dày 779 trang) đã được đông đảo bạn đọc đón nhận nồng nhiệt. Sách không phải là một quyển địa chí nhưng những bài viết đã được lựa chọn, sắp xếp, biên tập theo một kết cấu hợp lý với các chủ đề: Địa danh, địa lý, khảo cổ, lịch sử, di tích, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa nghệ thuật, kinh tế không khác gì nội dung của quyển địa chí. Nội dung sách không khô khan, nặng nề nhưng khoa học và đáng tin cậy mang đến cho người đọc những kiến thức vừa chuyên sâu vừa tổng quát về một địa phương cụ thể - Tây Ninh.

Về địa danh, địa lý

Trong phần địa danh các tác giả Lê Trung Hoa, Nguyễn Thanh Lợi và Đào Thái Sơn đã giải thích về nguồn gốc của các địa danh: *Bà Đen*, *Rông Trượng*, *Trao Trảo*, *Dầu Tiếng*, *Tha La*, *bến Tầm Long*...

Trong năm giả thuyết về địa danh *Bà Đen*, theo Lê Trung Hoa giả thuyết *Bà Đen* là tên nữ thần của người Khmer, gọi là “*Me Đen*” (Néang Khmâu), hòn núi là bàn chân của bà nên thường được gọi là *Phnom Chon Bà Đen* (Chon Bà Đen) là có lý nhất (tr.15).

Rông Trượng tên của một dòng thác ở xã Thanh Phước (huyện Gò Dầu) còn được gọi là *Láng Trượng*. *Rông Trượng* là đường khuyết sâu do voi đi lại nhiều lần tạo nên vì nơi đây xưa kia có nhiều voi (tr.16)

Trao Trảo là gò ở xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu. Cánh đồng nơi đây cũng gọi là *bung Trao Trảo*, nơi nhiều giống chim trao trảo bay về, đào tổ dưới đất ven gò để sinh sản (tr.17).

Bến Đồi là nơi trao đổi hàng hòa giữa người Việt và người Chăm lúc quân Pháp mới xâm chiếm vùng này (tr.17).

Mộc Bài là cửa khẩu quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia, nơi trao đổi hàng hóa giữa hai nước. từ “*Mộc Bài*” gốc Hán Việt, nghĩa là “*cái thẻ hay bảng bằng gỗ để làm dấu, chỉ ranh đất*” (tr.18).

Tha La là vùng đất ở phường An Hòa (tx. Trảng Bàng), tên sông ở xã Hội Phú (huyện Tân Châu), tên hồ, cầu, đập ở thị trấn Tân Châu, tên xóm ở xã Trí Bình (huyện Châu Thành). *Tha La* còn là tên ao ở xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. *Tha La* gốc Khmer *Sa-la* có hai nghĩa là “*trường học*” và *chòi ở bên đường để khách nghỉ chân* (tr.19)

Ngoài ra, các tác giả còn nhắc đến các địa danh: *Gò Dầu Thượng*, *Gò Dầu Hạ*, *Gò Chai*, *Gò Kén*, *Bến Cầu*, *Dương Minh Châu*, *Bến Củi*, *Chà Là*, *Suối Dây*, *Suối Đá*, *Suối Ngô*, *Trương Mít*...

Sự biến đổi địa giới hành chính Tây Ninh đã được trình bày hệ thống và chi tiết trong bài viết “*Về danh xưng và địa giới hành chính Tây Ninh thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX*” của Nguyễn Đình Cơ và Lê Bá Vương. Tác giả đã đối thoại với nhiều giả thuyết về thời điểm xuất hiện địa danh Tây Ninh và xác định địa danh này chính thức được ghi trên bản đồ của nước Đại Nam vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836). Buổi đầu khai phá, vùng đất Tây Ninh gồm hai đạo: *Quang Hóa* và *Quang Phong*, đến cuối thế kỷ XVIII, trên đất Tây Ninh đã hình thành những thôn làng phân bố theo dọc các triền sông, gần

các thủ sở, đồn biên phòng. Sang đầu thế kỷ XIX, địa giới hành chính của Tây Ninh không ngừng được mở rộng.

Về khảo cổ, lịch sử và di tích

Là vùng đất từng có con người sinh sống từ thời Tiền sử nên Tây Ninh có hệ thống di chỉ khảo cổ phong phú đã được hai tác giả Phạm Đức Mạnh và Lê Hoàng Quốc khảo tả qua các nhan đề: *Lược khảo khám phá Khảo cổ học của người Pháp ở Tây Ninh; Vết tích một thành cổ trên đất Tây Ninh, Hệ thống thành bảo trên đất Tây Ninh*. Người đọc như được du ngoạn qua dấu vết của người Tiền sử như Dinh Ông (ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu), Gò Bà Đào (Khởi Hà), Bến Sỏi (xã Ninh Điền, huyện Châu Thành), gò tháp Bến Trâu (xã An Quới, An Hòa, thị xã Trảng Bàng) ngọn tháp Chót Mạt (xã Hòa Đức, tổng Hòa Ninh cũ) được xây dựng thế kỷ VIII, các kiến trúc đền gạch mang phong cách kiến trúc tiền Angkor. Đặc biệt, Tây Ninh còn lưu giữ dấu vết của thành cổ - thành Sông Đua (được xây dựng khoảng thế kỷ VIII) cắt ngang đường thiên lý từ Sài Gòn đi Tây Ninh qua địa phận Trảng Bàng - Bàu Đồn. “Phần còn nguyên vẹn và rõ ràng nhất để nhận ra dấu vết thành Sông Đua là hào thành hiện còn rộng khoảng 10m, nhiều đoạn sâu hơn 2m... Không chỉ mô tả di tích trong quá khứ, tác giả còn cập nhật, năm 2014 “di tích Sông Đua bị mất do quá trình san lấp xây dựng nhà cửa, mở đường lộ và xây dựng con đường vào khu công nghiệp Phước Đông, vũng nước bê ngang khoảng 40m, bề dài chỉ còn chưa tới 20m” (tr.107).

Tây Ninh là tỉnh biên cương, những thế hệ di dân đầu tiên định cư vùng đất này phải “vừa quy dân lập ấp vừa xây thành đắp lũy (thành Trà Vong) nhằm bảo vệ biên cương” vì vậy nơi đây từng có nhiều hệ thống phòng thủ, được Lê Hoàng Quốc nhắc đến là đồn Tây Thới (đồn Rạch Tra), đồn Trảng Bàng, đồn Bàu Đồn, thành phủ Tây Ninh. Không chỉ có hệ thống phòng thủ trên đường thiên lý, Tây Ninh có còn hệ thống phòng thủ đường sông (di tích đồn bảo), hệ thống phòng thủ biên giới.

Lịch sử Tây Ninh là lịch sử hình thành những thôn Việt đầu tiên (cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19): thôn Tân Thuận, thôn Gia Lộc, thôn Phước Hội, thôn Lộc Ninh, Mỹ Hưng, Trung Lập, Nhuận Đức, An Nhơn Tây. Thanh An, Thanh Tuyền, Bình Tịnh, Thanh Phước...; là những dòng họ và tên tuổi các bậc Tiền hiền có công khai hoang mở đất, lập làng dựng chợ; là những ngôi đình ghi dấu sự ra đời của những ngôi làng; là cuộc chiến chống thổ phỉ người Khmer của nhân dân Tây Ninh thế kỷ XVIII - XIX (tr.192), bảo vệ chủ quyền vùng đất Quang Hóa dưới thời Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX, các sự kiện chính trị quan trọng trong kháng chiến chống Mỹ: Từ việc thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cho đến sự ra đời của chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, căn cứ kháng chiến Dương Minh Châu, căn cứ Bời Lời (1965 - 1968).

Phật giáo đã đồng hành cùng với những người di dân từ vùng Ngũ Quảng đến định cư ở Tây Ninh và đã lưu dấu lại qua những ngôi chùa Tịnh Lý (làng An Tịnh được xây dựng năm 1901), chùa Huỳnh Long, Hội Phước, Phước Lâm, Long Tiên, Vĩnh An, Phước Lưu (tr.262). Tây Ninh còn là cái nôi của tôn giáo bản địa - đạo Cao Đài. Tò thánh Tây Ninh trở thành biểu tượng của đạo Cao Đài, được Hồ Văn Tường ghi lại chi tiết từ lịch sử xây dựng, kiến trúc (phần ngoại thất, nội thất). Tác giả cho rằng công trình này do chính những người thợ xây dựng mà không có bất kỳ bản vẽ nào của kiến trúc sư (tr.282).

Về dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo

Quyển sách dành 122 trang cho các nhà nghiên cứu Dân tộc học (Phan An, Trần Hồng Liên, Võ Công Nguyên, Phan Văn Dốp, Dương Hoàng Lộc, Nguyễn Thị Nhung Đinh Thị Hòa, Nguyễn Hữu Lộc...) trình bày về bốn tộc người thiểu số chính ở Tây Ninh: người Khmer, người Chăm, người Hoa, người Tà mun. Mỗi tộc người đều được trình bày theo các vấn đề: lịch sử định cư, dân cư, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội truyền thống, văn hóa vật thể (nhà ở, trang phục, ẩm thực) và văn hóa phi vật thể gồm tín ngưỡng dân gian, lễ hội, phong tục tập quán (sinh đẻ, hôn nhân, tang lễ), tôn giáo, cách đặt tên, qua đó độc giả có thể nhận diện được căn tính tộc người. Chẳng hạn: ngôi nhà sàn có hai nóc tạo nên bốn mái chính tựa vào hai cây đòn dông song song với nhau, giống như ghép lại từ hai ngôi nhà sàn, ngôi chùa có màu sắc rực rỡ, tục thờ Arak, Nakta, lễ mừng năm mới Chol Chnam Thmey, Dolta, Nhập hạ của người Khmer (tr.307); họ vẫn còn duy trì cách xác minh họ tộc theo kiểu phụ tử liên danh (lấy tên cha làm họ cho con, thậm chí tên ông nội làm họ cho cháu) (tr.303).

Đối với người Chăm Islam ở Tây Ninh, lễ cắt tóc và đặt tên vẫn là nghi lễ quan trọng trong cuộc đời mỗi người, được tổ chức sau khi đứa trẻ được sinh bảy ngày, lễ cắt bao quy đầu (*kotan*). Cách đặt tên của người Chăm Islam ở Tây Ninh là một chủ đề lý thú, theo Đinh Thị Hòa, số lượng tên Ả-rập không chỉ có 25 tên thánh, mà số lượng rất phong phú, đa dạng và không bị hạn chế. Phát hiện mới của nghiên cứu này vượt qua những nghiên cứu trước đó, cho rằng tên người Chăm ở Tây Ninh “chọn loanh quanh trong số 25 tên các vị thánh Hồi giáo nên nhiều tín đồ trùng tên nhau” (tr.347).

Người Hoa đặt chân đến Quang Hóa từ thế kỷ XVII, có thể nhận diện sự hiện diện của họ qua những nhà thuốc Bắc nổi tiếng như Vạn Đức Đường, Thọ An Đường, Thọ Xuân Đường, Đại Sanh Thành, Thiên Thọ Đường, Trung Hoa Đường, Đức Tế Đường, Vạn An Đường, các dãy “phố Tàu” nhà liền mái, tường sát vách, nối nhau ôm lấy khu vực chợ và gần bến ghe, bến xe ở phường Trảng Bàng, Gò Dầu, Hòa Thành. Nét văn hóa Hoa còn thể hiện qua Thất Phủ hội quán, Nhị Phủ hội quán (tx. Trảng Bàng), Thanh An cung, Thiên Hậu miếu (huyện Gò Dầu), Quan Đế Thánh miếu, Quảng Đông hội quán, Ngũ Thánh miếu (tp. Tây Ninh), những ngôi nhà có treo lồng đèn đỏ, chữ “Phúc”, “Đại cát” hay “Ngũ phúc lâm môn” ở trước cửa. Đó là nghi lễ khai ấn đầu xuân được tổ chức tại các hội quán.

Một tộc người thiểu số đã định cư ở Tây Ninh từ cuối thế kỷ 19 đến năm 2006, có 386 hộ với 1.716 nhân khẩu (tr.382), nhưng ít được biết đến vì “chưa xác định đúng tộc danh” – người Tàmun đã được nhận diện trong bài viết “Tộc danh và quá trình định cư của người Tàmun ở Tây Ninh” (Phan Văn Dốp). Tác giả đã chỉ ra mối quan hệ giữa người Tàmun ở Tây Ninh và người Tàmun ở Sóc 5 (Bình Phước) là một tộc người, và người Tàmun tự nhận mình là một tộc người độc lập. Ngoài ra, tác giả còn giải thích tỉ mỉ về nguồn gốc tộc danh “Tàmun”. Đặc trưng văn hóa của người Tàmun, được Nguyễn Bá Thường nhận diện qua nhà cửa, trang phục, ẩm thực, lễ cưới, lễ tang, tín ngưỡng, lễ cầu mưa, lễ cúng ông bà, lễ cúng sau thu hoạch, lễ cúng Lúa mới.

Tây Ninh là mảnh đất màu mỡ, dung nạp nhiều dòng tín ngưỡng, tôn giáo để sản sinh ra một dạng thức tín ngưỡng, tôn giáo “hỗn hợp”. Theo Lê Bá Vương, “sự hỗn dung các dạng thức thờ Mẫu của ba dòng văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng Khmer (Neang Khmau) + Chăm (Muk Juk) + Việt (Linh Sơn Thánh Mẫu), đã tạo nên hệ thống tín ngưỡng đa dạng ở núi Bà Đen. Cách thức này tạo nên chất keo gắn kết giữa cư dân bản địa với cộng đồng mới tới, đồng thời truyền tải thông điệp và tuyên ngôn của dân Việt về tinh thần hòa hợp, hòa bình, tự nguyện ở môi trường cộng sinh, mà trong đó, tất cả các bên đều có thể chấp nhận” (tr.417)

Đối với cư dân Nam Bộ, Bà Chúa Xứ là vị “phúc thần cai quản đất đai, bảo hộ cư dân an lạc” (tr.421) được thờ rất phổ biến nhưng không có nơi nào mật độ thờ Bà dày đặc như ở Trảng Bàng, “mỗi khu phố ở phường An Tịnh hiện nay đều có miếu thờ bà Chúa Xứ” (tr.421) và Phí Thành Phát với bài viết *Tín ngưỡng thờ Bà Chúa Xứ ở Trảng Bàng* đã đề cập đến vị trí, lịch sử, thần tích, lịch cúng của các miếu bà Chúa Xứ An Phú, miếu Bà Chúa Xứ Bàu Rong, miếu Bà Chúa Xứ Cây Gõ, miếu Bà Chúa Xứ Bến Ghe, miếu Bà Chúa Xứ Cây Trôm, miếu Bà Chúa Xứ Cây Xoài, miếu Bà Chúa Xứ Nguyễn Nhung.

Nếu người dân quanh khu vực núi Bà Đen thờ Linh Sơn Thánh Mẫu hay Bà Chúa Xứ, thì những người sống dọc theo sông Vàm Cỏ Đông lại thờ Bà Thủy Long.

Ngoài tôn giáo bản địa là Cao Đài, Tây Ninh còn có tín đồ Phật giáo, Công giáo. Theo bài “Phật giáo ở Tây Ninh” của Phí Thành Phát, ngôi chùa Phật giáo Bắc tông đầu tiên được lập vào năm 1763, thuộc phái thiền Lâm Tế dòng Liễu Quán là chùa Linh Sơn Tiên Thạch (tr.487). Tác giả đã tường thuật quá trình truyền bá và phát triển Phật giáo ở Tây Ninh. Hệ phái Phật giáo Nam Tông của người Khmer đã có mặt tại Tây Ninh vào năm 1811 với sự hiện diện của chùa Botum Kiri Rangsay (ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân, tp. Tây Ninh).

Võ Thành Tâm trình bày tổng quan về “Công giáo ở Tây Ninh” với các mốc chính: họ đạo Tha La được hình thành năm 1837. Giáo hạt Tây Ninh phát triển mạnh mẽ sau biến cố di cư 1954 vào Nam của giáo dân miền Bắc. Đến nay giáo hạt Tây Ninh có diện tích 3.459km², dân số trên 1 triệu người, trong đó có 31.485 giáo dân (tr.511), với 22 giáo xứ. Tác giả còn đề cập đến những đóng góp của Công giáo Tây Ninh: xây trường học tại Tha La để học sinh không phải đi học tận Trảng Bàng từ ngày mới thành lập họ đạo, xây dựng nhà máy nước tinh khiết cung cấp cho người dân xã An Hòa năm 2005, lập quỹ tương thân tương ái tại hầu hết các giáo xứ, xây viện dưỡng lão cho người già neo đơn tại giáo xứ Cáo Xá...(tr.513)

Về văn hóa nghệ thuật

Văn hóa nghệ thuật được đề cập trong quyển sách là ca dao, dân ca, truyền thuyết, truyện dân gian, là đờn ca tài tử, nghệ thuật múa trống Chhay Dăm của người Khmer, âm nhạc trong đạo Cao Đài, tác phẩm điêu khắc – tượng thờ trong chùa, miếu, là tranh kiếng và về những nghệ nhân dân gian.

Nguyễn Văn Dung đã nhận diện *Dấu ấn ngôn ngữ địa phương trong ca dao dân ca Tây Ninh, Quê hương và tình yêu lúa đôi trong ca dao, dân ca Tây Ninh*; Hà Thị Thới trong bài viết *Truyền thuyết ở Tây Ninh* thống kê được 33 truyện, chiếm 84,63% trên tổng số 39 truyện dân gian ở Tây Ninh, gồm truyền thuyết địa danh, lịch sử và tín ngưỡng – tôn giáo (tr.530). Dựa vào đề tài và nội dung, tác giả nhận diện đặc trưng của truyền thuyết ở Tây Ninh: truyền thuyết gắn liền với lịch sử khai phá, hình thành vùng đất; truyền thuyết gắn liền với tín ngưỡng và lễ hội, truyền thuyết gắn với địa danh, in đậm dấu tích địa phương. Truyền thuyết Tây Ninh không có nhiều yếu tố thần kỳ mà ở dạng biên niên sử bước đầu được dân gian hóa (tr.560). Khảo sát thực địa *Truyện dân gian Tây Ninh* Hà Thị Thới nhận định “cơ cấu truyện dân gian Tây Ninh về cơ bản cũng có nét tương đồng với cơ cấu truyện dân gian Nam Bộ, tỷ lệ truyền thuyết chiếm rất lớn, nhưng tỷ lệ các thể loại khác thì không có sự trùng lặp.” (tr.560).

Đào Thái Sơn đã phân tích và đánh giá bài thơ cổ *Quang Hóa Hồ già* về xứ Tây Ninh của Trịnh Hoài Đức “đó là bài thơ khá độc đáo và đầy cảm xúc của Trịnh Hoài Đức. Đó là tiếng kèn lá của người lính thổi kèn làm cho hai dân tộc Việt – Miên chung

sống hòa thuận, tiếng kèn gọi nhớ quê nhà và mong đợi ngày trở về của người thú, tiếng kèn ca ngợi và biết ơn những người vì đất nước sẵn sàng hy sinh thân mình, qua đó tiếng kèn khẳng định vị thế của quốc gia dân tộc” (tr.565).

Theo Trần Phong Vũ, đầu thế kỷ XX, Tây Ninh đã có “những nghệ nhân góp mặt trong nhóm tài tử miền Đông của Nguyễn Quang Đại”. Tác giả còn giới thiệu “lý lịch trích ngang” của một số soạn giả và nghệ nhân đờn ca tài tử ở Tây Ninh như soạn giả Thanh Hiền, nghệ nhân Huỳnh Hữu Trí (Hai Trí), nghệ nhân Phan Thanh Trí (Thành Trí), Nguyễn Văn Long (Sáu Long).

Bài viết *Nghệ thuật múa trống Chhay Dăm của người Khmer* mang đến cho người đọc sự hiểu biết sâu về cấu tạo của trống *Chhay dăm*, động tác múa trống, quy trình và kết cấu bài múa trống, trình tự tiết mục, môi trường, người và trang phục diễn. Qua đó nhận định về ý nghĩa, giá trị của loại hình nghệ thuật này.

Âm nhạc trong đạo Cao Đài là chủ đề chưa được nhiều người nghiên cứu đã được trình bày trong sách này. Hồ Văn Tường khảo tả về nhạc lễ lúc mới khai đạo, sự thành lập Bộ Nhạc, các ban nhạc của đạo Cao Đài, lễ nhạc của Hội Thánh.

Các tác phẩm điêu khắc được đề cập trong quyển sách này là *Tượng thờ trong chùa, miếu* (Nguyễn Đức Huy và Phí Thành Phát) “khá đa dạng về kiểu dáng và chất liệu, có giá trị mỹ thuật, được tạo tác từ nửa cuối thế kỷ XIX đến những năm đầu thế kỷ XX. Đó là những pho tượng các vị Thánh nữ, thần, Phật” (tr.605).

Tranh kiếng được xem như một loại hình nghệ thuật được những nghệ nhân từ Sài Gòn – Chợ Lớn và Lái Thiêu mang đến đầu tiên ở Hòa Thành (Tây Ninh) vào năm 1940. Theo Phí Thành Phát và Nguyễn Đức Huy “Tranh kiếng Hòa Thành có màu sắc đa quang sắc sỡ, màu chủ đạo là đỏ và xanh dương, ngoài ra còn phối các màu xanh lá, xanh ngọc, vàng, trắng...” (tr.615). Không chỉ mô tả về tranh kiếng, tác giả trình bày về các công đoạn và kỹ thuật vẽ tranh kiếng.

Đề sáng tạo và bảo tồn các loại hình văn hóa nghệ thuật không thể thiếu vai trò của các nghệ nhân dân gian. Phan Đình Dũng đã cung cấp thông tin ngắn gọn, xúc tích nhưng đầy đủ về những đóng góp của các nghệ nhân được trao tặng danh hiệu Nghệ nhân cấp quốc gia ở Tây Ninh từ năm 2015 – 2019 bao gồm: nghệ nhân Nhạc lễ, đờn ca tài tử, nghệ nhân hát chèo, nghệ nhân sinh vật cảnh.

Về kinh tế

Mở đầu chương mục này là bài viết *Đặc sản Tây Ninh*, tác giả Lê Thị Bích Ly điếm qua những đặc sản “đã trở thành thương hiệu được cả nước biết đến”(tr.634) như bánh tráng phơi sương, bánh canh Trảng Bàng, muối ớt Tây Ninh, măng cầu Bà Đen.

Lê Quang Cần nhìn kinh tế Tây Ninh qua lăng kính những ngôi chợ xưa và nay, trong đó đặc biệt khảo tả chợ Long Hoa, ngôi chợ mang sắc thái Cao Đài.

Ít ai có thể hình dung Tây Ninh là nơi có nhiều nghề thủ công truyền thống nếu chưa đọc bài viết *Nghề thủ công truyền thống ở Tây Ninh* của Võ Công Nguyên trong chương mục này. Tác giả trình bày khái quát về lịch sử, quy trình sản xuất, hiện trạng và kiêng kỵ của các nghề: đan lát các vật dụng bằng tre, mây, đan đệm, bao bàng, chằm nón, dệt vải thủ công, làm bánh tráng, ép mía nấu đường thủ công, ép dầu phộng, nghề rèn, đóng xe bò, xe thùng, đóng ghe xuống, làm gạch ngói, làm thuốc rê, kim hoàn (thợ bạc). Tác giả nhận định “Tây Ninh là vùng đất đa dạng nguồn lực tự nhiên của đất đai, núi rừng, sông nước, nguồn lực nhân văn đa tộc người, đa văn hóa tạo điều kiện, nền tảng thuận lợi cho việc hình thành và phát triển nhiều nghề thủ công truyền thống đặc trưng trong các cộng đồng cư dân địa phương” (tr.686).

Tây Ninh ngày nay không thể là “vựa nông sản lớn của Đông Nam Bộ” (693) nếu không có *Hệ thống thủy nông Dầu Tiếng*. Đó cũng là nhan đề bài viết của các tác giả Huỳnh Thị Phương Linh, Antoine Lê, Nguyễn Hồng Quân và Trần Thị Hồng Thắm. Các tác giả nhận định “dự án Dầu Tiếng đã tạo ra dấu ấn nổi bật trong việc thay đổi cảnh quan nông nghiệp và thay đổi bộ mặt nông thôn của Tây Ninh. Nó góp phần vào việc phát triển sinh kế của người dân trong khu vực...” (tr.687) Chính vì lẽ đó các tác giả cung cấp cho bạn đọc về: cơ chế hoạt động, hiệu suất khai thác, tầm ảnh hưởng của hồ Dầu Tiếng.

Ngoài phần chính văn, quyển sách có phần phụ lục dày 100 trang, rất có ích cho việc tra cứu như: *Niên biểu Tây Ninh* từ thiên niên kỷ II – I trước công nguyên đến năm 2020; thống kê dân số Tây Ninh (1867 - 2019), danh sách chợ ở Tây Ninh, cửa khẩu, xã biên giới ở Tây Ninh, thống kê địa điểm nghề truyền thống, danh sách đình làng, nội dung sắc phong (phiên âm, dịch nghĩa), danh sách chùa, thánh thất Cao Đài, giáo xứ, danh sách di tích lịch sử.

Khép lại quyển sách *Tây Ninh đất và người*, độc giả đã có thể hình được bức tranh “rộng và sâu” về một Tây Ninh xưa và nay dưới các khía cạnh: lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nội dung quyển sách được cấu thành từ những kết quả nghiên cứu chuyên sâu, nghiêm túc, đáng tin cậy của nhiều nhà nghiên cứu thuộc các chuyên ngành khảo cổ học, dân tộc học, lịch sử, văn hóa học, địa danh học... do nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi sắp xếp và biên tập công phu và khoa học. Quyển sách mang đến cho bạn đọc sự hiểu biết sâu rộng hơn về một địa phương giàu truyền thống văn hóa nhưng chưa có nhiều công trình nghiên cứu.